SAO Y; VĂN PHÒNG, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG; 27/10/2026; 10:19:10 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4477. /GPMT-UBND	*Hải Phòng, ngày 26 tháng 10 năm 2026*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 280526/CV-XINGFA ngày 03 tháng 8 năm 2026 của Công ty TNHH Global Xingfa (Việt Nam) và hồ sơ kèm theo văn bản số 1210/CV-GLBXF ngày 12 tháng 10 năm 2026 về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất nhôm hợp kim định hình số 2 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1034/TTr-SNNMT ngày 13 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Global Xingfa (Việt Nam), địa chỉ trụ sở tại Cụm công nghiệp Cao Thắng, xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất nhôm hợp kim định hình số 2" tại Cụm công nghiệp Cao Thắng, xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất nhôm hợp kim định hình số 2.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Cao Thắng, xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số 0801474749 do Phòng đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 20/11/2025. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 1003567561 do Sở Tài chính thành phố Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 26/05/2026.

1.4. Mã số thuế: 0801474749.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình bao gồm: nhôm anodized; nhôm cầu cách nhiệt, nhôm vân gỗ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích: 44.756 m^2 (Công ty thuê lại xưởng số 02 của Công ty cổ phần đầu tư công nghệ cao Phúc Hưng - Chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Cao Thắng).

- Nhóm dự án: nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

- Công suất của Dự án: Nhôm anodized: 90.000 tấn/năm; nhôm cầu cách nhiệt: 20.000 tấn/năm; nhôm vân gỗ: 2.720 tấn/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất nhôm định hình: Quy trình đùn ép: Billet nhôm→ Gia nhiệt billet nhôm (sử dụng khí LNG) → Đùn ép (gia nhiệt khuôn sử dụng điện) → Làm thẳng → Cắt → Hóa già → Phun cát → Thanh nhôm hợp kim định hình.

+ Quy trình sản xuất nhôm anodized: Phôi tại xưởng đùn → Rửa nước 1 → Tẩy dầu mỡ → Rửa nước 2, 3 → Tẩy kiềm 1, 2 → Rửa nước 4, 5 → Trung hòa → Rửa nước 6, 7 → Anod hóa nhôm → Rửa nước 8, 9, 10 → Rửa nước tinh khiết 11 → Nhuộm màu điện phân → Rửa nước 12, 13 → Bịt lỗ → Rửa nước 14, 15 → Rửa nước 16 → Sấy khô → Hạ liệu → Đóng gói sản phẩm.

+ Quy trình sản xuất nhôm cầu cách nhiệt: Thanh nhôm định hình đã được xử lý bề mặt → Kiểm tra lần 1 → Tạo rãnh → Lắp cầu cách nhiệt → Cán→ Kiểm tra lần 2 → Đóng gói → Nhập kho.

+ Quá trình sản xuất nhôm vân gỗ: Thanh nhôm định hình đã được xử lý bề mặt → Dán màng in → Hút chân không → Gia nhiệt màng in (sử dụng LNG) → Dỡ màng in → Vệ sinh bề mặt →Kiểm tra→Đóng gói.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Global Xingfa (Việt Nam)

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Global Xingfa (Việt Nam) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải vào hệ thống thu gom của cụm công nghiệp, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm (*kể từ ngày Giấy phép môi trường*

được ký ban hành đến ngày 26 tháng 10 năm 2033).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Thanh Miện;
- Công ty TNHH Global Xingfa (Việt Nam);
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Cổng Thông tin điện tử TP (để đăng tải công khai Giấy phép môi trường);
- Các phòng: NNMT, NVKTGS;
- Lưu: VT, N.X.Thành.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Quân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..4477..../GPMT-UBND ngày 26. tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đấu nối về trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Cao Thắng, không xả thải ra ngoài môi trường).

- Toàn bộ nước thải của Cụm công nghiệp Cao Thắng do Công ty cổ phần đầu tư công nghệ cao Phúc Hưng làm chủ đầu tư được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Cao Thắng để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Công ty TNHH Global Xingfa (Việt Nam) đã ký Hợp đồng thu phí thu gom và xử lý nước thải số 02/01/2026/HĐKT/TD-NH ngày 02/01/2026 với Công ty cổ phần đầu tư công nghệ cao Phúc Hưng (chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Cao Thắng).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Công ty TNHH Global Xingfa (Việt Nam) sử dụng chung nhà vệ sinh của cụm công nghiệp do Công ty cổ phần đầu tư công nghệ cao Phúc Hưng xây dựng; nước thải vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, sau đó theo đường ống PVC D400, D600 (do cụm công nghiệp xây dựng) được thu gom trực tiếp về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5.000 m^3/ngày đêm của cụm công nghiệp để xử lý trước khi xả thải.

- Mạng lưới thu gom nước thải sản xuất về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.700 m^3/ngày đêm:

+ Nước thải sản xuất từ bể rửa nước bịt lỗ và bể rửa nước nóng bịt lỗ được xử lý bằng cụm tiền xử lý nước thải Niken công suất 300 m^3/ngày đêm, nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng 270 m^3, 30m^3 được dẫn sang cụm tiền xử lý nước thải chứa thiếc công suất 255 m^3/ngày đêm rồi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.700 m^3/ngày đêm để xử lý.

+ Nước thải bể anod hóa được xử lý sơ bộ bằng cụm tiền xử lý nước thải thu hồi axit và nhôm sunfat công suất 48 m^3/ngày đêm; nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng 47 m^3, 1m^3 nước thải còn lại được thu gom về hệ thống xử

lý nước thải tập trung công suất 1.700 m^3/ngày đêm để xử lý.

+ Nước thải tại cụm bể rửa sau bể anod hóa (281 m^3) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.700 m^3/ngày đêm để xử lý.

+ Nước thải tại bể rửa nước sau nhuộm màu điện phân (225 m^3) được xử lý sơ bộ bằng cụm tiền xử lý nước thải thiếc công suất 255 m^3/ngày đêm. Nước thải sau xử lý được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.700 m^3/ngày đêm để xử lý.

+ Nước thải tại các bể rửa nước lần đầu, bể rửa nước sau tẩy dầu mỡ, bể rửa nước sau tẩy kiềm, bể rửa nước sau trung hòa, nước thải từ 08 hệ thống xử lý bụi các máy phun cát; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải sương kiềm 1, hệ thống xử lý khí thải sương kiềm 2 công suất 80.000 m^3/giờ/hệ thống; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải hơi axit công suất 60.000 m^3/giờ; nước thải vệ sinh sàn nhà xưởng; nước làm mát; nước thải trong quá trình lọc nước tinh khiết được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.700 m^3/ngày đêm để xử lý.

- Nước sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.700 m^3/ngày đêm đạt QCVN 40:2025/BTNMT, Cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Cao Thắng tại 01 điểm xả. Tọa độ điểm xả (*theo hệ tọa độ VN2000, 105°45' múi chiếu 3°)*: X = 2297701; Y= 548072.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Bể tự hoại xây sẵn của Cụm công nghiệp Cao Thắng:

Nước thải bồn cầu, bồn tiểu → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5.000 m^3/ngày của CCN→ Kênh xả tiêu trạm bơm Cao Lý.

- Số lượng, dung tích thiết kế: 02 bể tự hoại 03 ngăn, tổng dung tích 20 m^3.

- Hóa chất sử dụng: Không.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5.000 m^3/ngày của Cụm công nghiệp Cao Thắng:

Nước thải đầu vào → Bể thu gom → Bể lắng cát, tách dầu → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung gian → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể quan trắc → Kênh xả tiêu trạm bơm Cao Lý

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Công suất: 5.000 m^3/ngày đêm

- Hóa chất sử dụng: NaOH, Phèn PAC 31%, dinh dưỡng, NaOCl 8%, A-Polymer, C-Polymer.

1.2.2. Cụm tiền xử lý nước thải chứa Niken

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải bể rửa nước bịt lỗ → Bể chứa nước rửa→Hệ thống màng tiền xử lý → Hệ thống tách màng kết hợp → Hệ thống thu hồi Niken và điện phân → Bể nước tái sử dụng.

+ Nước thải bể rửa nước nóng bịt lỗ → Bể chứa nước nóng → Hệ thống thu hồi nhiệt năng → Bể nước tái sử dụng. Bùn được lọc ép, thu gom lưu giữ tại kho chứa CTNH, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Công suất thiết kế: 300 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: H_2SO_4; NaOH (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Cao Thắng).

1.2.3. Cụm tiền xử lý nước thải thu hồi axit và nhôm sunfat

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải bể anod hóa → Hệ thống màng xử lý sơ bộ → Nước thải phát sinh dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.700 m^3/ngày đêm.

+ Nước thải bể anod hóa → Hệ thống màng xử lý sơ bộ → Hệ thống màng thu hồi axit → Bể chứa chất lỏng dư → Thiết bị hỗ trợ hòa tan → Bể chứa nguyên liệu tạm thời → Hệ thống cô đặc ở nhiệt độ thấp → Bể chứa nhôm sunfat. Nước ngưng tụ được tái sử dụng, axit thu hồi được tuần hoàn quay trở lại bể Anod hóa, 01 m^3 nước sau cụm tiền xử lý nước thải thu hồi axit và nhôm sunfat được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.700 m^3/ngày đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn đầu vào của CCN Cao Thắng.

- Công suất thiết kế: 48 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.4. Cụm tiền xử lý nước thải chứa thiếc

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ bể rửa nước sau nhuộm màu điện phân, nước sau cụm tiền xử lý nước thải 300 m^3/ngày đêm → Bể thu gom nước thải chứa thiếc → Bể điều chỉnh pH → Bể phản ứng → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Hệ thống XLNT tập trung công suất 1.700 m^3/ngày đêm. Bùn phát sinh từ bể lắng được lưu giữ tại bể chứa bùn, sau đó được ép và lưu tại kho CTNH, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Công suất thiết kế: 255 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, PAM (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Cao Thắng).

1.2.5. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.700 m^3/ngày đêm

Nước thải từ các bể rửa nước lần đầu, bể rửa nước sau tẩy dầu mỡ, bể rửa nước sau tẩy kiềm, bể rửa nước sau trung hòa, cụm bể rửa sau bể anod hóa, nước thải từ 08 hệ thống xử lý bụi các máy phun cát; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải sương kiềm 1, hệ thống xử lý khí thải sương kiềm 2 công suất 80.000 m^3/giờ/hệ thống; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải hơi axit công suất 60.000 m^3/giờ; nước thải vệ sinh sàn nhà xưởng; nước làm mát; nước thải trong quá trình lọc nước tinh khiết → Bể thu gom nước thải → Bể điều hòa → Bể keo tụ →Bể điều chỉnh pH → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể chứa và kiểm soát nước sau xử lý → Bể chứa và đo lưu lượng → Trạm xử lý nước thải công suất 5.000 m^3/ngày đêm của CCN. Bùn phát sinh từ bể lắng được lưu giữ tại bể chứa bùn, sau đó được ép và lưu tại kho CTNH, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Công suất thiết kế: 1.700 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, PAM, NaOH, H_2SO_4 (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, Cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 46, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025. Tuy nhiên chủ dự án tự nguyện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.700 m^3/ngày đêm với các thông số lưu lượng, pH, COD, Niken.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các cụm tiền xử lý nước thải và hệ thống xử lý nước thải tập trung, thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của cụm tiền xử lý nước thải và hệ thống xử lý nước thải tập trung để có biện pháp xử lý và ứng phó sự cố kịp thời.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố:

+ Sự cố hư hỏng thiết bị: Kiểm tra nguồn điện cấp cho các thiết bị, kiểm tra các máy nén khí, máy bơm chìm, máy bơm định lượng, thay thế bằng thiết bị dự phòng trong trường hợp không khắc phục được.

+ Sự cố chất lượng nước thải sau xử lý không đáp ứng quy định của cụm công nghiệp, Nhà máy sẽ dừng van xả nước thải sau xử lý ra hệ thống thu gom của cụm công nghiệp và thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Nước thải sẽ được quay vòng, xử lý lại.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của các công trình xử lý để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu vực xử lý.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh, đường ống thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/ NĐ-CP ngày 06/01/2025 và khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của Dự án, bảo đảm đáp ứng điều kiện trong văn bản thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng và giấy phép môi trường của Cụm công nghiệp Cao Thắng, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Dự án.

3.3. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh theo thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng và giấy phép môi trường của Cụm công nghiệp Cao Thắng, Chủ dự án có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải để đáp ứng theo quy định.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Cao Thắng để tiếp tục xử lý nước thải xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4477/GPMT-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ máy phun cát số 01.
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ máy phun cát số 02.
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ máy phun cát số 03.
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ máy phun cát số 04.
- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ máy phun cát số 05.
- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ máy phun cát số 06.
- Nguồn số 07: Bụi phát sinh từ máy phun cát số 07.
- Nguồn số 08: Bụi phát sinh từ máy phun cát số 08.
- Nguồn số 09: Khí thải phát sinh từ công đoạn anod hóa nhôm (thu gom tại thành bể).
- Nguồn số 10: Khí thải phát sinh từ công đoạn tẩy kiềm tại bể tẩy kiềm 1 và bể tẩy kiềm 2 (thu gom tại thành bể).
- Nguồn số 11: Khí thải phát sinh từ công đoạn tẩy kiềm tại bể tẩy kiềm 01 và bể tẩy kiềm 02 và 02 bể rửa sau tẩy kiềm (thu gom tại đỉnh bể tẩy kiềm và bể rửa).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- 04 dòng với tổng lưu lượng là 284.000 m^3/h.
- Phương thức xả khí thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày hoặc gián đoạn theo chế độ làm việc của Nhà máy.
- Tọa độ vị trí xả khí thải *(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $105^0 45'$, múi chiếu 3^0):*

TT	Dòng thải	Lưu lượng (m^3/h)	Tọa độ	
			X(m)	Y(m)
1	Dòng số 01: Ống thải chung của 08 hệ thống thu hồi bụi từ máy phun cát sử dụng bi thép *(xử lý nguồn số 01 đến nguồn số 08)*	64.000	2297357.196	548298.196
2	Dòng số 02: Ống thải hệ thống xử lý	60.000	2297208.040	548357.962

	bụi, khí thải hơi axit *(xử lý nguồn số 09)*			
3	Dòng số 03: Ống thải hệ thống xử lý bụi, khí thải hơi kiềm 1 (xử lý móc treo) *(xử lý nguồn số 10)*	80.000	2297207.042	548355.961
4	Dòng số 04: Ống thải hệ thống xử lý bụi, khí thải hơi kiềm 2 *(xử lý nguồn số 11)*	80.000	2297206.044	548354.959

3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Mức C), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	**Dòng số 01 (tương ứng với nguồn số 01 đến nguồn số 08)**				
1	Lưu lượng	m^3/h	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm^3	≤ 100		
II	**Dòng số 02 (tương ứng với nguồn số 09)**				
1	Lưu lượng	m^3/h	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Hơi H_2SO_4	mg/Nm^3	≤ 25		
3	Nitơ oxit (NO_x, tính theo NO_2)	mg/Nm^3	≤500		
III	**Dòng số 03 (tương ứng với nguồn số 10)**				
1	Lưu lượng	m^3/h	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm^3	≤ 100		
IV	**Dòng số 04 (tương ứng với nguồn số 11)**				
1	Lưu lượng	m^3/h	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm^3	≤ 100		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Dòng số 01: Bụi phát sinh từ hoạt động của các máy phun cát bi thép làm sạch bề mặt nhôm (nguồn số 01 đến nguồn số 08) được thu gom về 08 hệ thống thu hồi bụi có công suất 8.000 m^3/h/hệ thống để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường qua 01 ống thải chung. Tổng công suất của 08 hệ thống thu hồi bụi là 64.000 m^3/giờ.

- Dòng số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình anod hóa (nguồn số 9) được thu gom về hệ thống xử lý bụi, khí thải hơi axit công suất 60.000 m^3/giờ để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường qua 01 ống thải.

- Dòng số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình tẩy kiềm được thu gom tại thành bể của bể tẩy kiềm 1 và bể tẩy kiềm 2 (nguồn số 10) được thu gom về hệ thống xử lý bụi, khí thải hơi kiềm công suất 80.000 m^3/h để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường qua 01 ống thải.

- Dòng số 04: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình tẩy kiềm được thu gom tại đỉnh bể của bể tẩy kiềm 1, bể tẩy kiềm 2 và 02 bể rửa sau tẩy kiềm (nguồn số 11) được thu gom về hệ thống xử lý bụi, khí thải hơi kiềm công suất 80.000 m^3/h để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường qua 01 ống thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ quá trình phun cát (dòng thải số 1)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Hệ thống ống hút → Cyclone → 02 cụm lọc bụi ướt → Quạt hút → Ống thoát khí cao 3,7 m → Thoát ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 8.000 m^3/giờ/hệ thống.

- Số lượng: 08 hệ thống.

- Vật liệu sử dụng: nước.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải hơi axit (dòng thải số 2)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải (từ nguồn số 09) → Hệ thống chụp hút → Thiết bị xử lý khí thải hơi axit → Ống thoát khí cao 15 m → Thoát ra ngoài môi trường.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 60.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, bóng rỗng (hoặc các vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định).

1.2.3. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải hơi kiềm 1 (dòng thải số 3)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải (nguồn số 10) → Hệ thống chụp hút → Thiết bị xử lý khí thải hơi kiềm 1 → Ống thoát khí cao 15 m → Thoát ra ngoài môi trường.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 80.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: H_2SO_4, bóng rỗng (hoặc các vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định).

1.2.4. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải hơi kiềm 2 (dòng thải số 4)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải (từ nguồn số 11) → Hệ thống chụp hút → thiết bị xử lý khí thải hơi kiềm 2 → Ống thoát khí cao 15 m → Thoát ra ngoài môi trường.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 80.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: H_2SO_4, bóng rỗng (hoặc các vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm theo quy định).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và dự phòng thiết bị thay thế cho các hệ thống, thiết bị xử lý khí thải; vận hành các hệ thống, thiết bị xử lý khí thải theo đúng quy trình hoặc yêu cầu của nhà sản xuất.

- Trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 3 Phần A của Phụ lục này phải tạm dừng hoạt động, tiến hành dừng hoạt động sản xuất của dây chuyền, thiết bị gắn với hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, đồng thời tìm nguyên nhân để sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, thông báo cho các cơ quan liên quan để được hướng dẫn giải quyết.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Không quá 06 tháng kể từ ngày thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

TT	Dòng thải	Lưu lượng (m^3/h)	Tọa độ	
			X(m)	Y(m)
1	08 Hệ thống xử lý bụi từ các máy phun cát (08 hệ thống chung 1 ống xả khí thải ra môi trường)	64.000 m^3/h/8 hệ thống	2297357.196	548298.196

2	Hệ thống xử lý khí thải hơi axit	60.000 m^3/h	2297208.040	548357.962
3	Hệ thống xử lý khí thải sương kiềm 1	80.000 m^3/h	2297207.042	548355.961
4	Hệ thống xử lý khí thải sương kiềm 2	80.000 m^3/h	2297206.044	548354.959

2.3. Vị trí lấy mẫu: 04 vị trí tại ống thải của các hệ thống xử lý khí thải.

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong các dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.5. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*), cụ thể như sau: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu xử lý để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án cho Sở Nông nghiệp và Môi trường ít nhất 10 ngày trước ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Tổng hợp, đánh giá số liệu

quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..4477...../GPMT-UBND ngày 26. tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Máy cưa cắt (thuộc dây chuyền đùn ép).

- Nguồn số 02: Máy phun cát bi thép.

- Nguồn số 03: Máy bơm, máy thổi khí, máy nén khí (Khu vực bơm xử lý nước thải).

- Nguồn số 04: Máy phát điện dự phòng.

- Nguồn số 05: Khu vực quạt hút các hệ thống xử lý bụi từ các máy phun cát bi thép.

- Nguồn số 06: Khu vực quạt hút hệ thống xử lý khí thải hơi axit.

- Nguồn số 07: Khu vực quạt hút hệ thống xử lý khí thải sương kiềm 1.

- Nguồn số 08: Khu vực quạt hút hệ thống xử lý khí thải sương kiềm 2.

2. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

Theo QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể:

TT	Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		
		Từ 6-18 giờ	Từ 18-22 giờ	Từ 22-6 giờ
1	Khu vực E	70	65	60

2.2. Độ rung

Theo QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

TT	Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	
		Từ 6-22 giờ	Từ 22-6 giờ
1	Khu vực D	75	70

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thiết kế các bộ phận giảm âm và thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Bố trí các máy móc hợp lý, tránh để các máy gây ồn cùng hoạt động một lúc gây cộng hưởng tiếng ồn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm chống rung cho máy móc, thiết bị có công suất lớn để giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường và yêu cầu khác

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..4477...../GPMT-UBND ngày 26. tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên: 22.300 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải phải kiểm soát phát sinh thường xuyên: 3.912.335 kg/năm.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 29.243.100 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 51.600 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Bố trí 01 kho chứa với diện tích 90 m^2 tại xưởng 4 cụm công nghiệp Cao Thắng thuộc dự án "Nhà máy sản xuất nhôm hợp kim định hình" đã được UBND thành phố Hải Phòng cấp giấy phép môi trường số 1361/GPMT-UBND ngày 08/4/2026.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có mái che, nền bê tông chống thấm, có rãnh và hố thu chất thải nguy hại lỏng phòng ngừa tràn đổ ra ngoài môi trường. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn, mã chất thải nguy hại, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ và đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Bố trí 02 kho có tổng diện tích 180 m^2 (02 kho, mỗi kho có diện tích 90m^2) trong xưởng 4 cụm công nghiệp Cao Thắng thuộc dự án "Nhà máy sản xuất nhôm hợp kim định hình" đã được UBND thành phố Hải Phòng cấp giấy phép môi trường số 1361/GPMT-UBND ngày 08/4/2026.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có mái che, nền bê tông hóa chống thấm, có biển cảnh báo, đảm bảo đầy đủ các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng chứa có nắp đậy, dung tích 180 lít - 240 lít

2.3.2. Kho lưu chứa

- Các thùng lưu chứa rác thải sinh hoạt được đặt tại khu vực phát sinh rác. Trước giờ thu gom 30 phút, chất thải rắn sinh hoạt được chuyển về cổng của Dự án và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thùng chứa có màu khác nhau theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..4477.../GPMT-UBND ngày .26... tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

2. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, tập huấn cho cán bộ, công nhân viên về công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng ngừa ứng phó sự cố và phòng, chống cháy nổ; đảm bảo quá trình hoạt động ổn định của các hệ thống, dây chuyền sản xuất, công trình bảo vệ môi trường; trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động, phòng ngừa, ứng phó sự cố, đảm bảo khắc phục kịp thời khi xảy ra sự cố.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy, quy hoạch xây dựng theo quy định hiện hành.

5. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

7. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.